

MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC QUY LUẬT CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

NGUYỄN ĐỨC TÒN*

Abstract: The extension or narrowing of meaning, metaphor and metonymy are considered different, distinctive, and even opposite devices of semantic transfer. This article attempts to point out that there are close relationships between these semantic transfer rules which are sometimes difficult to distinguish. Metaphor and metonymy are similar in that they are both the transfer of the name of one phenomenon to the name of another phenomenon of a different kind based on similar relations. They differ in whether there is a similar basis or ascription based on the analogy of properties or attributes.

When a word meaning is extended or narrowed, the thing or phenomenon that word signifies still remains within the scope of that thing or category. They differ only in the scope of objects belonging to whether the concept indicated is widened or narrowed. As for the semantic transfer by metaphor and metonymy, the things or phenomena signified by the word are of different kinds

In addition, the extension and narrowing of meaning occur only within a name; they do not give a thing a new name. Metonymy and metaphor, in contrast, create a new name for the thing which may already have a name.

All the three semantic transfer rules are the product of association; they have similarities and differences, and probably intermediate phenomena. These make the boundaries of semantic transfer rules fuzzy.

Key words: *semantic transfer rule, metaphor, metonymy, semantic extension/extension of meaning, semantic narrowing/narrowing of meaning.*

1. Trong các công trình hiện nay viết về từ vựng - ngữ nghĩa ở nước ngoài cũng như ở trong nước, nói chung, có nêu ba loại chuyển nghĩa của từ được các nhà Việt ngữ học gọi tên khác nhau: *quá trình phát triển ý nghĩa* [2]; *phương thức chuyển nghĩa* [1b]. Trong công trình của mình [4c] chúng tôi gọi đây là các *quy luật chuyển nghĩa* của từ vì cách thức diễn ra của những sự chuyển nghĩa này ở từ mang tính phổ biến, ổn định, được lặp đi lặp lại

(và chúng tôi cũng đã chứng minh rằng các thao tác và các quy luật chuyển nghĩa của từ cũng chính là phương thức của tư duy: “Bản chất của ẩn dụ là kiểu tư duy phạm trù” và “Bản chất của hoán dụ là kiểu tư duy liên hợp, cảm giác, hành động - trực quan” [4c, 437-486]). Ba quy luật chuyển nghĩa đó là *mở rộng/ thu hẹp ý nghĩa*,

* GS.TS, Viện Ngôn ngữ học.

ẩn dụ và *hoán dụ*. Tuy nhiên, có tác giả chỉ nêu hai quy luật chuyển nghĩa phổ biến trong tất cả các ngôn ngữ trên thế giới là *ẩn dụ* và *hoán dụ*, chẳng hạn, Đỗ Hữu Châu [1b, 145], hay Reformatsky [11, 52-59]. Song có nhiều tác giả đề cập đến đầy đủ cả ba quy luật chuyển nghĩa này của từ. Chẳng hạn, Nguyễn Thiện Giáp viết: “Mặc dù còn nhiều thiếu sót, nhưng ngữ nghĩa học truyền thống đã phát hiện ra những quá trình phát triển ý nghĩa cơ bản mà ngữ nghĩa học hiện đại ngày nay không thể bác bỏ được. Đó là các quá trình mở rộng và thu hẹp ý nghĩa, chuyển đổi tên gọi bằng *ẩn dụ* và *hoán dụ*” [2, 161]. “*Mở rộng ý nghĩa* là một quá trình phát triển từ cái riêng đến cái chung, từ cái cụ thể đến cái trừu tượng. Ý nghĩa được hình thành nhờ quá trình này gọi là nghĩa rộng. Bản thân từ bắt đầu biểu thị khái niệm rộng, trong khi đó không thay đổi nghĩa cơ sở của mình. Thí dụ: từ *muối* tiếng Việt là danh từ có nghĩa hẹp, chỉ tinh thể chế ra từ nước biển để ăn. Nhưng hiện nay nó còn chỉ hợp chất do sự tác dụng của axit lên bazơ mà thành...” [2, 161].

“*Thu hẹp nghĩa* là quá trình ngược lại. Phạm vi ý nghĩa của các từ phát triển từ cái chung đến cái riêng, từ cái trừu tượng đến cái cụ thể. Thí dụ: từ *nước* từ chỗ chỉ chất lỏng nói chung, rồi chất lỏng có thể uống được và cuối cùng chỉ là hợp chất do sự kết hợp hóa học giữa hydro và oxy” [2, 161].

Hay B.N. Golovin viết: “Trong trường hợp mở rộng, ý nghĩa mới phản ánh đối tượng, hiện tượng mà ý nghĩa cũ chỉ phản ánh một bộ phận, một dạng của chúng. Thí dụ: *дом* có nghĩa

mở rộng là “*Tổ quốc*” từ nghĩa gốc “*nhà ở của mình*” [10, 83]. Trong trường hợp thu hẹp nghĩa thì ý nghĩa mới phản ánh chỉ một bộ phận, một mặt, một dạng của đối tượng hay hiện tượng mà ý nghĩa cũ phản ánh. Thí dụ: *пиво* bây giờ chỉ có nghĩa là “*bia*”, song thời xưa ở Nga có nghĩa là “*đồ uống nói chung*” [10, 84].

I.I. Fomina cũng nêu ý kiến tương tự như B.N. Golovin về sự mở rộng và thu hẹp nghĩa (xem [12, 44-45]).

Ẩn dụ được các nhà nghiên cứu ở trong và ngoài nước thống nhất coi đây là phép hay cách thức chuyển đổi tên gọi dựa trên sự so sánh ngầm giữa hai sự vật có sự tương đồng hay giống nhau, còn *hoán dụ* là phép hay cách thức chuyển đổi tên gọi giữa hai sự vật dựa trên sự tương cận giữa chúng.

Cho đến nay, chưa có công trình nào chỉ rõ sự khác biệt cụ thể về chất giữa ba quy luật chuyển nghĩa này của từ và mối quan hệ giữa chúng. Do vậy khi nghiên cứu sự chuyển nghĩa của từ, khá nhiều nhà nghiên cứu, thậm chí đã có “*thâm niên*”, vẫn lầm lẫn hiện tượng mở rộng hoặc thu hẹp nghĩa với *ẩn dụ*, hoặc coi hiện tượng mở rộng hay thu hẹp nghĩa của từ chẳng qua cũng chỉ là chuyển nghĩa theo *ẩn dụ* mà thôi!

Vấn đề đặt ra là giữa ba quy luật chuyển nghĩa nói trên của từ có mối quan hệ với nhau như thế nào? Sự khác biệt về chất giữa chúng là gì để có thể nhận diện, xác định được chính xác ranh giới của từng hiện tượng chuyển nghĩa?

2. Về mối quan hệ giữa ẩn dụ và hoán dụ

Như đã nêu trên đây, xưa nay ẩn dụ được coi là phép hay cách thức chuyển đổi tên gọi dựa trên sự so sánh ngầm giữa hai sự vật có sự tương đồng hay giống nhau.

Chẳng hạn, theo A.A. Reformatzky: "Sự chuyển nghĩa theo ẩn dụ dựa trên sự giống nhau của các sự vật về màu sắc, hình thức, đặc tính vận động v.v..." [11, 54]. B.N. Golovin định nghĩa: "Sự chuyển đổi của các từ từ một đối tượng này sang một đối tượng khác trên cơ sở sự giống nhau của chúng được gọi là ẩn dụ" [10, 81]. Trong *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học*, O.X. Akhmanova đã định nghĩa ẩn dụ như sau: Đó là "Phép chuyển nghĩa (трон) dùng các từ và ngữ ở ý nghĩa bóng trên cơ sở sự tương tự, sự giống nhau..." [9, 231].

Các nhà nghiên cứu phương Tây (Anh - Mỹ) cũng có quan niệm tương tự. Chẳng hạn, từ điển [13] định nghĩa "Ẩn dụ là sự so sánh một vật này với một vật khác mà không sử dụng *like* hoặc *as* (như, tựa như), ví dụ: *Người đàn ông chỉ là cây sậy yếu*; *Con đường ấy là một dải ánh trắng*. Ẩn dụ phổ biến trong văn học và lời nói mở rộng".

Hay từ điển [14] giải thích ẩn dụ như sau:

"Về từ nguyên, từ tiếng Anh *metaphor* bắt nguồn từ tiếng Pháp trung đại thế kỉ XVI là *métaphore*, từ tiếng Pháp này bắt nguồn từ tiếng Latin *metaphora* (có nghĩa là "chuyển đổi"), từ Latin *metaphora* phát xuất từ tiếng Hi Lạp là *μεταφορά* (*metaphorá*) (có nghĩa "transfer" - chuyển dịch), từ Hi Lạp *μεταφορά* (*metaphorá*) lại

có nguồn gốc từ *μεταφέρω* (*metapherō*) (có nghĩa là "to carry over", "to transfer" - chuyển đổi, chuyển dịch) và từ *μεταφέρω* này có cấu tạo gồm *μετά* (*meta*) (có nghĩa "after, with, across" - sau, với, qua) + *φέρω* (*pherō*) (có nghĩa "to bear", "to carry" - mang, chuyển)".

"Ẩn dụ là hình thái tu từ nhận dạng (identify) một cái gì đó giống như vật nào đó không có liên quan vì hiệu quả tu từ, do vậy làm nổi bật sự giống nhau giữa hai vật, trong khi *simile* (so sánh) so sánh hai vật, còn *metaphor* (ẩn dụ) có thể so sánh hoặc trực tiếp coi hai vật này ngang nhau, và do đó không cần sử dụng từ so sánh nào như *like* hoặc *as* (như, tựa như...).

Trong cuốn *The Philosophy of Rhetoric* (Triết học của Tu từ học) (1937), I. A. Richards đã miêu tả ẩn dụ có hai bộ phận là *tenor* và *vehicle*. *Tenor* là chủ thể được miêu tả thuộc tính. Còn *vehicle* là khách thể cho vay mượn thuộc tính của nó. Chẳng hạn, trong thí dụ: *All the world's a stage* (Cả cuộc đời là một cái sân khấu/ tấn trò), *the world* (cuộc đời) được so sánh với *a stage* (sân khấu/ tấn trò) mà sân khấu/ tấn trò mô tả cuộc đời bằng các thuộc tính của sân khấu/ tấn trò; *the world* là *tenor*, còn *a stage* là *vehicle*.

Các tác giả khác sử dụng các thuật ngữ phổ biến là *ground* (nền) và *figure* (hình) để biểu thị *tenor* và *vehicle*. Ngôn ngữ học tri nhận sử dụng các thuật ngữ *target* (Đích) và *source* (Nguồn) một cách tương ứng".

Ở Việt Nam, các nhà Việt ngữ học cũng có quan điểm như vậy về ẩn dụ. Chẳng hạn, Nguyễn Văn Tu

cho rằng: “Ẩn dụ là phép gọi tên một sự vật bằng tên của một sự vật khác theo mối quan hệ gián tiếp. Muốn hiểu được mối quan hệ đó chúng ta phải so sánh ngầm. Khác với hoán dụ, phép ẩn dụ, ta theo tưởng tượng của ta mà gọi một sự vật chỉ có vài dấu hiệu chung với sự vật mà từ biểu thị trước thôi. Chính nhờ những dấu hiệu chung gián tiếp ấy mà ta thấy mối quan hệ giữa các sự vật khác nhau” [6, 159].

Nguyễn Lân giải thích ẩn dụ là: “Phép sử dụng từ ngữ ở nghĩa chuyển dựa trên cơ sở sự tương đồng, sự giống nhau... giữa các thuộc tính của cái dùng để nói và cái nói đến. Ẩn dụ cũng là một cách ví, nhưng không cần dùng đến những tiếng để so sánh như: *tựa, như, tương, bằng...*” [3].

Đỗ Hữu Châu quan niệm: “Ẩn dụ là cách gọi tên một sự vật này bằng tên một sự vật khác, giữa chúng có mối quan hệ tương đồng” [1a, 54].

Nguyễn Thiện Giáp cũng viết rằng: “Ẩn dụ là sự chuyển đổi tên gọi dựa vào sự giống nhau giữa các sự vật hoặc hiện tượng được so sánh với nhau” [2, 162].

Đào Thán giải thích: “Ẩn dụ cũng là một lối so sánh dựa trên sự giống nhau về hình dáng, màu sắc, tính chất, phẩm chất hoặc chức năng của hai đối tượng. Nhưng khác với so sánh dùng lối song song hai phần đối tượng và phần so sánh bên cạnh nhau, ẩn dụ chỉ giữ lại phần để so sánh” [4a, 143].

Còn đối với hiện tượng chuyển nghĩa hoán dụ, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đều có ý kiến thống nhất coi đây là hiện tượng chuyển

đổi tên gọi giữa hai sự vật, hiện tượng có mối quan hệ tương cận. Chẳng hạn, Đỗ Hữu Châu xác định: “Hoán dụ là hiện tượng chuyển hoá về tên gọi - tên của một đối tượng này được dùng để gọi vật kia - dựa trên quy luật liên tưởng tiếp cận” [1a, 52]. Sau này ông định nghĩa cụ thể hơn: “Phương thức hoán dụ là phương thức lấy tên gọi A của X để gọi tên Y nếu X và Y đi đôi với nhau trong thực tế khách quan” [1b, 145].

Nguyễn Thiện Giáp giải thích: “Ngược lại với ẩn dụ, hoán dụ là hiện tượng chuyển tên gọi từ sự vật hoặc hiện tượng này sang sự vật hoặc hiện tượng khác dựa trên mối quan hệ lôgic giữa các sự vật hoặc hiện tượng ấy” [2, 165].

Theo A.A. Reformatsky, “Hoán dụ là sự chuyển tên gọi được thực hiện không phải dựa trên sự giống nhau của các đặc trưng bên trong hay bên ngoài của sự vật có trước và sự vật mới, mà được dựa trên tính kế cận, nghĩa là liên kề nhau trong không gian hay thời gian. Khi chuyển nghĩa hoán dụ thì không chỉ có sự vật thay đổi mà cả khái niệm cũng thay đổi hoàn toàn” [11, 57].

Trong *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học*, O.S. Akhmanova định nghĩa hoán dụ với tư cách là một phép chuyển nghĩa (трон), theo đó: “Tên gọi của đối tượng này được thay bằng tên gọi của đối tượng khác nằm trong quan hệ “liên tưởng kế cận” với nó...” [9, 234].

Ở phương Tây, các nhà nghiên cứu cũng có quan niệm như thế về hoán dụ. Chẳng hạn, trong Wikipedia, the free encyclopedia [14] hoán dụ được định nghĩa như sau:

Metonymy (hoán dụ) là hình thái tu từ, trong đó, một sự vật hoặc một khái niệm được gọi tên không phải bằng tên riêng của nó mà bằng tên của cái gì đó được gắn liền về ý nghĩa với sự vật hoặc khái niệm ấy. Các từ "metonymy" and "metonym" bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp: *μετωνυμία*, *metōnymía*, có nghĩa "a change of name" (đổi tên gọi). Các từ *μετωνυμία*, *metōnymía* được cấu tạo gồm có *μετά*, *metá*, có nghĩa "after, beyond" (sau, ngoài) và *-ωνυμία*, *-ōnymía* là phụ tố được sử dụng để gọi tên các hình thái tu từ bắt nguồn từ *ὄνομα*, *ónoma* hay *ὄνομα*, *ónoma*, có nghĩa là "name" (tên gọi).

Thí dụ: "Thủ đô thường được dùng để đại diện cho chính phủ của một nước, chẳng hạn "Washington" được dùng để chỉ Chính phủ Hoa Kỳ hoặc "Whitehall" được dùng để chỉ Chính phủ Vương quốc Anh".

Như vậy, các nhà nghiên cứu tuy coi hoán dụ cũng như ẩn dụ đều là *sự chuyển đổi tên gọi* giữa các sự vật, hiện tượng, song ẩn dụ và hoán dụ bị tách biệt, đối lập hẳn nhau, như không hề có quan hệ gì với nhau, bởi vì giữa chúng có sự khác nhau căn bản đó là: *ẩn dụ dựa trên sự so sánh ngầm giữa hai sự vật có sự tương đồng hay giống nhau*, còn *hoán dụ dựa trên sự kế cận của các sự vật trong không gian hoặc thời gian*.

Trong các công trình [4b] và [4c], chúng tôi lần đầu tiên đã chỉ ra sự giống nhau giữa ẩn dụ và hoán dụ, đó là cả ẩn dụ và hoán dụ đều là *sự thay thế hay chuyển đổi tên gọi dựa trên sự đồng nhất hoá ngầm* các sự vật, hiện tượng... được từ biểu thị

khi chuyển nghĩa. Trước đây, tuy Ju.X. Xtepanôp cho rằng "ẩn dụ với nghĩa rộng nhất của thuật ngữ này bao gồm cả hoán dụ và cái dung v.v..." [8, 51], song ông không giải thích hay chứng minh cho nhận định này.

Trong các công trình [4b], [4c] chúng tôi cũng đã chứng minh rằng: Về logic, chỉ có *sự đồng nhất* (chứ không phải chỉ là giống nhau hay sự tương đồng) giữa các sự vật thì mới cho phép có thể dùng cái này để *thay thế* cho cái kia được (cũng giống như nguyên tắc thay thế các phụ tùng, máy móc trong khoa học kỹ thuật). Bởi vậy, câu so sánh hai sự vật làm cơ sở cho ẩn dụ phải là câu bao hàm *sự đồng nhất hoá hai sự vật ấy* (có thể được gọi là *câu đẳng nhất* hay *câu đẳng thức*). Do đó, *cơ sở của ẩn dụ chính là sự đồng nhất hoá ngầm*. Muốn hiểu ẩn dụ phải hiểu được sự đồng nhất/ đẳng nhất hoá ấy" [4b, 5] (số 10). Từ đó chúng tôi đưa ra định nghĩa về ẩn dụ (bao trùm cả khái niệm ẩn dụ cổ điển và ẩn dụ tri nhận) như sau: "Ẩn dụ là phép thay thế tên gọi hoặc chuyển đặc điểm, thuộc tính của sự vật, hiện tượng này sang sự vật, hiện tượng thuộc loại khác theo lối loại suy dựa trên cơ sở sự liên tưởng đồng nhất hoá chúng theo đặc điểm, thuộc tính nào đó cùng có ở chúng" [4c, 470].

Có thể diễn đạt khái quát như sau: ẩn dụ là phép **chuyển tên gọi hoặc đặc điểm, thuộc tính của sự vật, hiện tượng này sang sự vật, hiện tượng thuộc loại khác** theo lối loại suy dựa trên cơ sở sự liên tưởng đồng nhất hoá chúng bởi đặc điểm, thuộc tính nào đó cùng có ở chúng.

Đối với hoán dụ, có thể thấy tình hình cũng tương tự như ẩn dụ: câu làm cơ sở cho hoán dụ cũng phải là câu bao hàm *sự đồng nhất hoá hai sự vật thay thế tên gọi cho nhau* (có thể được gọi là *câu đẳng nhất* hay *câu đẳng thức*). Do đó, *cơ sở của hoán dụ cũng chính là sự đồng nhất hoá ngầm*. Muốn hiểu hoán dụ cũng cần phải hiểu được sự đồng nhất/ đẳng nhất hoá ấy.

Thí dụ: Trên cơ sở *sự đồng nhất hoá ngầm* được thể hiện qua câu đồng nhất/ đẳng thức: ***Lượng bia đựng trong vại là vại bia***, có thể thay thế cách nói: ***Uống hết lượng bia đựng trong vại*** bằng cách nói theo hoán dụ: ***Uống hết vại bia***.

Vì vậy, bản chất của hoán dụ là phép thay thế hay chuyển đổi tên gọi của hai sự vật, hiện tượng,... khác loại/ phạm trù dựa trên cơ sở sự đồng nhất hoá chúng do chúng luôn luôn cùng xuất hiện cặp đôi với nhau trong thực tế khách quan.

Có thể nhận thấy, bên cạnh sự giống nhau nêu trên, hoán dụ khác với ẩn dụ ở hai điểm cơ bản sau đây:

Một là, cơ sở của sự đồng nhất hoá các sự vật, hiện tượng... trong hoán dụ là sự *cùng xuất hiện, luôn đi liền, gắn bó hữu cơ với nhau* trong thực tế khách quan của các sự vật, hiện tượng..., nghĩa là khi có cái này thì có cái kia cùng xuất hiện, khiến cho có thể lấy tên gọi của cái này *làm đại diện để thay thế* cho tên gọi của cái kia.

Hai là, đối với hoán dụ thì không có sự chuyển đổi theo lối loại suy các đặc điểm, thuộc tính... của sự vật, hiện tượng... này sang sự vật, hiện

tượng... thuộc loại khác khi tư duy chúng ta đồng nhất hoá chúng như ở ẩn dụ. Ở đây chỉ có sự thay thế tên gọi theo kiểu lấy tên gọi của sự vật, hiện tượng... này để đại diện mà thay thế cho tên gọi của sự vật, hiện tượng kia mà thôi.

Tuy nhiên, trong thực tế có thể có trường hợp trung gian giữa ẩn dụ và hoán dụ, gây ra tranh luận, chẳng hạn, những trường hợp dùng tên gọi của vật có màu sắc điển hình nào đó để chỉ màu sắc ấy, thí dụ: (màu) *vàng, da cam, nâu, gụ, ốc bươu, da trời, cỏ úa, cháo lòng, da lươn*, v.v... Đỗ Hữu Châu coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa hoán dụ dựa trên quan hệ sự vật và màu sắc [1b, 155]. Nguyễn Thiện Giáp lại coi đây là hiện tượng ẩn dụ dựa trên sự giống nhau về màu sắc giữa các sự vật [2, 163].

3. Về mối quan hệ giữa quy luật mở rộng và thu hẹp nghĩa với ẩn dụ và hoán dụ

Chúng ta đều thấy, trong câu ***Bác ruột tôi đang sinh sống ở Hà Nội***, từ *bác* được sử dụng ở nghĩa gốc (người là anh/ chị ruột của bố mẹ mình). Trong câu ***Bác hàng xóm nhà tôi là giảng viên đại học***, thì từ *bác* đã được mở rộng nghĩa (người không có quan hệ họ hàng nhưng được coi ở bậc ngang vai với anh/ chị bố mẹ mình). Còn trong câu thơ ***Bác đã đi rồi sao Bác ơi!*** (Tố Hữu) thì từ *bác* đã thu hẹp nghĩa để chỉ Chủ tịch Hồ Chí Minh và được viết hoa. Chính vì từ *bác* được sử dụng mở rộng hoặc thu hẹp nghĩa trong các câu trên **cùng để chỉ người** khiến cho có sự lầm tưởng những sự chuyển nghĩa này dựa trên sự giống nhau của các đối tượng được từ biểu thị, do vậy dẫn đến có sự ngộ nhận

coi đó cũng là những sự chuyển nghĩa theo ẩn dụ. Vậy, các trường hợp mở rộng hay thu hẹp nghĩa như từ *bác*, từ *muối*, từ *nước* (đã dẫn ở trên), hay từ *mùi* vốn có nghĩa chỉ tất cả những hơi mà mũi ta thu nhận được (là nghĩa gốc) và thu hẹp nghĩa để chỉ mùi thực phẩm ôi thiu trong câu *Thịt đã có mùi*, có sự khác biệt với các trường hợp chuyển nghĩa ẩn dụ ở chỗ nào?

Như chúng ta thấy, trong tất cả các trường hợp mở rộng hay thu hẹp nghĩa thì **các sự vật, hiện tượng mà từ biểu thị vẫn còn nằm trong phạm vi của một loại sự vật hay một phạm trù**: đều chỉ người (trường hợp từ *bác*), hoặc hợp chất được tạo ra do axit tác dụng với bazơ (trường hợp từ *muối*), hay đều chỉ chất lỏng (trường hợp từ *nước*), hoặc vẫn là hơi do mũi thu nhận được (trường hợp từ *mùi*), tuy nhiên **tất cả chỉ khác nhau về phạm vi đối tượng thuộc ngoại diên của một khái niệm được từ biểu thị rộng hay hẹp mà thôi**.

Còn đối với sự chuyển nghĩa theo ẩn dụ (và kể cả hoán dụ) thì, như định nghĩa ở trên đã chỉ ra, **các sự vật, hiện tượng... được từ biểu thị trước và sau khi chuyển nghĩa thuộc các loại sự vật khác nhau, thuộc những phạm trù khác nhau**. Bởi vì, cơ sở cho sự chuyển nghĩa theo ẩn dụ phải dựa trên sự so sánh ngầm giữa hai sự vật khác loại, khác phạm trù (xem [4c, 449]; [4c, 453]). Thí dụ: *cồn* và *ruợu* cùng thuộc một phạm trù (*Từ điển tiếng Việt* - Hoàng Phê chủ biên, đã giải thích: “**Cồn là ruợu** có nồng độ cao, dùng để đốt, để sát trùng, hoặc pha thuốc dùng ngoài da”). Do vậy sự so sánh giữa hai tên

gọi này được thể hiện qua các câu đẳng thức: *ruợu là cồn* hay *cồn là ruợu* không thể làm cơ sở cho sự chuyển nghĩa theo ẩn dụ lấy *cồn* chỉ *ruợu* hay ngược lại. Hay trường hợp tương tự là *nước lã* và *nước mưa*. Song *chân* (trong câu *Tôi đau chân*) và *chân* (trong câu *Cái ghế gãy chân*) thuộc hai phạm trù khác nhau (bộ phận cơ thể người và bộ phận của đồ vật) nên giữa chúng mới có thể chuyển đổi tên gọi theo ẩn dụ. Đối với hoán dụ cũng như vậy - điều này đã được A.A. Reformatsky nêu và dẫn ở trên: “Khi chuyển nghĩa hoán dụ thì không chỉ có sự vật thay đổi mà cả khái niệm cũng thay đổi hoàn toàn” [11, 57]. Thí dụ: các sự vật được từ *cốc* biểu thị trong các câu: *Tôi đánh vỡ cái cốc* và *Tôi uống hết cốc ruợu* thuộc hai loại/ phạm trù khác nhau: đồ vật để đựng (cái *cốc*) và lượng đồ uống đựng trong cốc...

Sự mở rộng và thu hẹp nghĩa có quan hệ như thế nào với hoán dụ?

B.N. Golovin [10, 83-84] đã nêu rằng, “sự mở rộng và thu hẹp ý nghĩa thường gắn với hoán dụ dựa trên quan hệ chỉnh thể và bộ phận”, thí dụ: từ *ДОМ* (vốn có nghĩa gốc là “nhà ở của mình”) còn được dùng mở rộng nghĩa để chỉ “Tổ quốc” (thí dụ: *Tôi ở nước ngoài thường theo dõi tin tức thời sự ở nhà*) hoặc dựa trên quan hệ giữa cái chung và cái riêng (thí dụ: từ *ПИВО* thời xưa ở nước Nga có nghĩa “đồ uống nói chung” nay chỉ dùng để chỉ một loại đồ uống xác định là *bia*).

Nếu sự mở rộng và thu hẹp ý nghĩa gắn với hoán dụ dựa trên quan hệ chỉnh thể và bộ phận (tương tự như cái dung), vậy phải chăng nó là

một dạng đặc biệt của hoán dụ? Chúng tôi nhận thấy không hẳn như thế, đó chỉ là sự biểu kiến. Mặc dù có thể cùng dựa trên quan hệ bộ phận - chỉnh thể, hoặc quan hệ giữa loại và chủng, hay cái chung và cái riêng, song **trong trường hợp mở rộng hay thu hẹp nghĩa thì sự vật, hiện tượng... được từ biểu thị trước và sau khi chuyển nghĩa vẫn còn nằm trong phạm vi một loại sự vật hay một phạm trù** (thí dụ: các từ *bác, muối, nước, mùi* trong tiếng Việt hay từ *ПИБО* (*bia*) trong tiếng Nga như đã dẫn). Còn **đối với sự chuyển nghĩa theo hoán dụ thì các quan hệ bộ phận - chỉnh thể hay cái chung và cái riêng được sử dụng để nói về các sự vật, hiện tượng... thuộc các loại hay phạm trù khác hẳn nhau**. Chẳng hạn, quan hệ giữa "chân" và "cơ thể con người" là quan hệ bộ phận - chỉnh thể. Song quan hệ này được sử dụng để làm cơ sở chuyển nghĩa hoán dụ cho từ *chân*: từ chỗ là một bộ phận cơ thể con người chuyển sang nói về "cương vị hay phận sự của một người với tư cách là thành viên trong một tổ chức. Thí dụ: *Có chân trong hội đồng. Thiếu một chân tổ tôm...*" (Từ điển tiếng Việt, Hoàng Phê chủ biên).

Ngoài ra, còn có một điểm khác biệt về chất nữa sau đây giữa sự mở rộng hay thu hẹp nghĩa với hoán dụ và kể cả so với ẩn dụ. Đó là, sự mở rộng hay thu hẹp nghĩa chỉ diễn ra trong phạm vi một tên gọi, không có sự thay thế hay chuyển đổi tên gọi của sự vật, cho nên, không tạo cho sự vật tên gọi mới (thí dụ: sự mở rộng hay thu hẹp nghĩa của các từ *bác, muối, mùi, nước, ПИБО* đã nêu ở trên), còn hoán dụ và ẩn dụ thì, theo như định

nghĩa đã nêu, là sự chuyển đổi hay thay thế tên gọi giữa hai sự vật, hiện tượng... nên đã tạo ra tên gọi mới cho sự vật vốn đã có tên gọi. Tên gọi mới này có thể đã ổn định và đi vào hệ thống ngôn ngữ hoặc chỉ là tên gọi lâm thời, điều này tùy theo phép hoán dụ hay ẩn dụ được sử dụng là hoán dụ/ ẩn dụ từ vựng hay là hoán dụ/ ẩn dụ tu từ [4c, 460-462].

Chẳng hạn, *nhà văn* (hay *nhà thơ, nhà báo*) còn có thể được gọi là *cây bút* theo cơ chế hoán dụ (thí dụ: *Để phản ánh kịp thời, chân thực không khí sôi động những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiều cây bút đã tìm đến Tây Bắc, miền đất xa xôi của Tổ quốc.*), hoặc có thể được gọi là *lá cờ* theo cơ chế ẩn dụ (thí dụ: *Hành trình sáng tác của Tố Hữu gắn bó chặt chẽ với con đường cách mạng của nhà thơ và của cả đất nước, ông được tôn vinh là lá cờ đầu của nền thơ ca Cách mạng Việt Nam những năm 1945 -1975*).

Ca sĩ cũng có thể được gọi là *giọng ca* theo phép hoán dụ (thí dụ: *Bây giờ, nhiều giọng ca hạng thường cũng nổi danh như cồn nhờ những chiêu trò lăng-xê hình ảnh*), hoặc có thể được gọi là *chim sơn ca* theo cách nói ẩn dụ (thí dụ: *Cô ấy là chim sơn ca của chi đoàn*).

Giữa mở rộng hay thu hẹp nghĩa với hoán dụ và ẩn dụ cũng có thể có những trường hợp trung gian. Chẳng hạn, cách dùng tên các nhân vật có đặc điểm, tính cách điển hình trong văn học để gọi một người có cùng đặc điểm, tính cách như thế: (đồ) *Hoạn Thư* (ghen tuông và trả thù tinh ma), *Thị Nở* (xấu xí, vô duyên), *Chí Phèo*

(liều mạng, “cùn”, hay gây sự rồi ăn vạ), *Sở Khanh* (lừa tình), v.v... Hiện có hai cách nhìn đối với hiện tượng ngôn ngữ này.

Cách thứ nhất, xem đây như sự mở rộng nghĩa, từ tên gọi của một cá thể (cái riêng) được mở rộng ra chỉ một hạng người (cái chung).

Cách thứ hai, coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa ẩn dụ dựa trên quan hệ có cùng đặc điểm, tính cách như nhau.

Như vậy, mặc dù các nhà nghiên cứu chia tách ra ba quy luật chuyển nghĩa của từ nhưng giữa chúng vẫn có những trường hợp trung gian, nhập nhằng. Rồi có nhiều trường hợp, các quy luật chuyển nghĩa cùng đồng thời phối hợp tác động trong sự chuyển nghĩa của một tên gọi, chẳng hạn, trong câu: *Nhà máy đã tổ chức cuộc thi chọn bàn tay vàng* thì *bàn tay vàng* được dùng chuyển nghĩa vừa theo quy luật hoán dụ (*bàn tay*) và vừa theo quy luật ẩn dụ (*vàng*).

Trước đây, trong công trình [4c, 459-460], chúng tôi đã nêu hai trường hợp sử dụng của ẩn dụ với tư cách là phương thức định danh xảy ra khi hai sự vật có quan hệ chuyển đổi tên gọi theo ẩn dụ, trong đó có một sự vật chưa có tên gọi, theo công thức :

$$\frac{A}{X} = \frac{?}{Y}$$

Khi đó, tên gọi A của sự vật X sẽ thay thế vào chỗ trống (?) tên gọi của sự vật Y và trở thành tên gọi chính thức của Y.

Trường hợp thứ nhất: Ẩn dụ với tư cách phương thức định danh bậc 1, thí dụ: *cối xay* vốn là tên gọi của dụng cụ để xay thóc được chuyển sang để gọi “loài cây bụi mọc hoang, quả có hình giống như cái cối xay” và trở thành tên gọi của loài cây này là *cây cối xay* (*Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê chủ biên).

Trường hợp thứ hai: Ẩn dụ với tư cách phương thức định danh bậc 2 trong trường hợp chuyển nghĩa của từ, thí dụ: *tay người và tay ghế, mũi người và mũi Cà Mau*,...

Như vậy, từ góc nhìn định danh, có thể xem các trường hợp trung gian đang tranh luận trên đây: (màu) *vàng, nâu, gụ, nước biển, ốc bươu, da lươn*, v.v... là hiện tượng định danh theo ẩn dụ từ vựng - lấy tên gọi đã có của vật có màu sắc điển hình nào đó để định danh màu sắc đúng như thế mà chưa có tên gọi. Còn các trường hợp như: *Chí Phèo, Thị Nở, Hoạn Thư, Sở Khanh*, v.v..., thì hai đối tượng X và Y có quan hệ định danh theo ẩn dụ đều đã có tên gọi tương ứng, nhưng Y dù đã có tên gọi (cụ thể trong trường hợp đang bàn là tên riêng của mỗi người và tên gọi các phẩm chất tương ứng như: “liều mạng, “cùn”, hay gây sự rồi ăn vạ”; “xấu xí, vô duyên”; “ghen tuông và trả thù tinh ma”; “lừa tình”...) Y vẫn mang tên gọi của X theo ẩn dụ tu từ với tư cách là một định danh lâm thời nhằm mục đích nhấn mạnh, biểu cảm.

Từ góc nhìn bản thể và nhận thức (về vấn đề này có thể xem ở [4a] hoặc [4c, 181-183]), có thể thấy rằng, cùng một hiện tượng ngôn ngữ trung gian

(cụ thể ở đây là các hiện tượng chuyển nghĩa của từ được quy vào các quy luật chuyển nghĩa khác nhau như đã nêu trên đây) - là bản thể, nhưng đồng thời có nhiều đặc điểm, thuộc tính, phương diện... có thể làm cơ sở cho những quy luật chuyển nghĩa khác nhau. Do vậy, các nhà nghiên cứu đứng từ góc nhìn khác nhau mà có nhận thức khác nhau về cùng hiện tượng ngôn ngữ - bản thể này, tùy theo mỗi người nhìn thấy và cho rằng đặc điểm, thuộc tính hay phương diện... nào nổi lên và được chọn làm cơ sở định danh. Từ đó mới xảy ra tình trạng, cùng một hiện tượng chuyển nghĩa nhưng có khi lại được các nhà nghiên cứu quy vào những quy luật chuyển nghĩa khác nhau.

4. Kết luận

Xưa nay, các nhà nghiên cứu coi sự mở rộng hoặc thu hẹp nghĩa, ẩn dụ và hoán dụ là những phép chuyển nghĩa khác biệt, tách bạch, thậm chí đối lập với nhau. Bài viết này đã chỉ ra rằng giữa các quy luật chuyển nghĩa có mối quan hệ khăng khít, nhiều khi khó phân biệt rạch ròi. Ẩn dụ và hoán dụ giống nhau ở chỗ chúng đều là cách/ phép chuyển tên gọi của sự vật, hiện tượng này sang sự vật, hiện tượng thuộc loại khác dựa trên quan hệ đồng nhất. Sự khác nhau giữa ẩn dụ và hoán dụ nằm ở hai điểm cơ bản sau đây:

Một là, cơ sở của sự đồng nhất hoá các sự vật, hiện tượng... trong ẩn dụ là do tư duy chúng ta phát hiện ra ở các sự vật, hiện tượng... này cùng có chung đặc điểm nào đó. Còn trong hoán dụ thì cơ sở của sự đồng nhất hoá các sự vật, hiện tượng... là

do chúng thường *cùng xuất hiện, luôn luôn đi liền, gắn bó khăng khít với nhau* trong thực tế khách quan, nghĩa là khi có cái này thì có cái kia cùng xuất hiện, khiến cho có thể lấy tên gọi của cái này *làm đại diện để thay thế* cho tên gọi của cái kia.

Hai là, đối với hoán dụ thì không có sự quy gán theo lối loại suy các đặc điểm, thuộc tính... của sự vật, hiện tượng... này sang sự vật, hiện tượng... thuộc loại khác khi tư duy đồng nhất hoá chúng, bởi giữa chúng chỉ có quan hệ tương cận (chứ không có cùng đặc điểm chung nào đó như ở ẩn dụ). Ở đây, chỉ có sự thay thế tên gọi theo kiểu lấy tên gọi của sự vật, hiện tượng... này để đại diện, thay thế cho tên gọi của sự vật, hiện tượng kia mà thôi.

Khi mở rộng hay thu hẹp nghĩa thì các sự vật, hiện tượng mà từ biểu thị vẫn còn nằm trong phạm vi của một loại sự vật hay một phạm trù, chỉ khác nhau về phạm vi đối tượng thuộc ngoại diên của khái niệm được từ biểu thị rộng hay hẹp mà thôi. Còn đối với sự chuyển nghĩa theo ẩn dụ và hoán dụ thì các sự vật, hiện tượng... được từ biểu thị thuộc các loại sự vật khác nhau, thuộc những phạm trù khác nhau.

Ngoài ra còn có một điểm khác biệt nữa về chất, đó là sự mở rộng hay thu hẹp nghĩa từ chỉ diễn ra trong một tên gọi, không tạo cho sự vật tên gọi mới, còn hoán dụ và ẩn dụ thì tạo ra tên gọi mới cho sự vật có thể đã có tên gọi.

Có thể thấy, điểm chung bao trùm lên cả ba quy luật chuyển nghĩa nói trên đó là: chúng đều là sản phẩm

của tư duy liên tưởng của người bản ngữ. Từ trước tới nay chúng ta mới chỉ nhìn nhận và thường nói đến tính thống nhất của thể giới khách quan được phản ánh vào ý thức thành tính thống nhất của quá trình nhận thức, của hoạt động tư duy. Thể giới khách quan vốn là một thể liên tục (continuum). Để nhận thức thể giới khách quan, con người phải dùng tư duy để chia cắt nó thành các khúc đoạn, các mẫu và đặt tên gọi cho chúng. Đó chính là quá trình chia cắt, phạm trù hóa và định danh thể giới khách quan. Ranh giới các sự vật, hiện tượng trong thể giới khách quan nhiều khi không rạch ròi, dứt khoát, nên tư duy của con người chia cắt, phạm trù hóa thể giới khách quan cũng không thể rạch ròi, dứt khoát được. Ở đây chúng ta lại nhận thấy một sự phân cắt, phạm trù hóa để định danh tư duy. Cụ thể là tư duy liên tưởng để chuyển nghĩa cũng là một "thể liên tục", được phân cắt và định danh, mang các tên gọi là quy luật/ sự mở rộng hoặc thu hẹp nghĩa, ẩn dụ và hoán dụ. Giữa các quy luật chuyển nghĩa này vừa có sự thống nhất, vừa có sự phân biệt, và có thể xảy ra các hiện tượng chuyển tiếp, trung gian. Chính điều đó đã khiến ranh giới giữa các quy luật chuyển nghĩa trong tư duy cũng là ranh giới mờ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu,

a. *Giáo trình Việt ngữ*, (Tập 2, *Từ hội học*), Nxb GD, H., 1962.

b. *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb GD, H., 1981.

2. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb GD, H., 1998.

3. Nguyễn Lâm, *Ngữ pháp Việt Nam*, lớp 7, Bộ Giáo dục xuất bản, H., 1966).

4. Nguyễn Đức Tồn,

a. *Cần phân biệt hai bình diện nhận thức và bản thể trong nghiên cứu ngôn ngữ học*, T/c Ngôn ngữ, Số 11, 2003.

b. *Bản chất của ẩn dụ*, T/c Ngôn ngữ, Số 10 và 11, 2007.

c. *Đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb KHXH, H., 2008 (tái bản 2010).

5. Đào Thanh, *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật*, Nxb KHXH, H., 1988.

6. Nguyễn Văn Tu và những người khác, *Khái luận ngôn ngữ học*, Nxb GD, H., 1960.

7. Nguyễn Văn Tu, *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại*, Nxb ĐH&THCN, H., 1976.

8. Xtepanôp Ju. X. *Những cơ sở của ngôn ngữ học đại cương*, Nxb ĐH & THCN, H., 1977.

II. Tiếng Nga

9. Ахманова О. С. Словарь лингвистических терминов. - М., Советская энциклопедия, 1966.

10. Головин В. Н. Введение в языкознание. - М., Высшая школа, 1977.

11. Реформатский А.А. Введение в языкознание. - М., Учпедгиз, 1960.

12. Фомина И.И., Современный русский язык. Лексикология. М., Высшая школа, 1978.

13. [http:// www. The American Heritage® New Dictionary of Cultural Literacy](http://www.TheAmericanHeritage®NewDictionaryofCulturalLiteracy), Third Edition. Copyright © 2005 by Houghton Mifflin Company. Published by Houghton Mifflin Company. All rights reserved.

14. [http// www. Wikipedia](http://www.Wikipedia), the free encyclopedia.